

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/KDTM - PT
Ngày: 27- 5 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng xây
dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo;
Ông Trần Hoài Sơn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Duy Đức, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số: 13/2021/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 16/2021/KDTM - ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXPT – DS ngày 07 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐPT – Ds ngày 04 tháng 3 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa số: 149/TB – TA ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐPT – DS ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* : Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L.
Trụ sở: đường T, phường B, Quận , thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật có ông Lâm Công T, chức vụ: Giám đốc Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung H, địa chỉ liên hệ: đường P, Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy ủy quyền số 09/2021/GUQ - ALLIANCE. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đình H, Công ty Luật TNHH MTV H, đường P, Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. Có mặt

2. Bị đơn: Công ty TNHH I

Trụ sở : đường L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Áng H, chức vụ Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H, chức vụ: Phó Giám đốc Công ty, theo Giấy ủy quyền do ông Ngô Áng H ký ngày 18/6/2021, được Văn phòng Công chứng Bảo N chứng thực ngày 23/6/2021, số công chứng: 2804/SYĐ – 21, quyền số 01/2021. Bà Nguyễn Thị Thu H ủy quyền lại cho ông Võ Duy K, sinh năm 1980, Nhân viên phụ trách kỹ thuật xây dựng của Công ty TNHH I, theo Giấy ủy quyền không ghi ngày tháng năm 2022. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Lê Văn C và bà Trần Thị D là Luật sư của Công ty Luật F thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, trụ sở: đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Luật sư Trần Thị D có mặt, Luật sư Lê Văn C vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH M (Trước đây là Công ty TNHH S). Trụ sở : đường B, phường, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Bích N, chức vụ: Giám đốc Công ty. Vắng mặt

- Ông Trần Minh H, sinh năm 1982. Trú tại : đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Công ty N. Trụ sở : đường N, phường V, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật:* Nguyễn Ngọc H, chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty. Có đơn xin xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH I, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L trình bày:*

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L (sau đây gọi là Công ty L) và Công ty TNHH I (sau đây gọi là Công ty I) đã ký kết Thỏa thuận Hợp đồng số: 09/2016/HĐTC/H79.DN ngày 25.1.2017 (sau đây gọi là Hợp đồng số: 09/2016), phụ lục Hợp đồng về việc thực hiện gói thầu thi công hoàn thiện nội thất khu vực công cộng cho công trình Nhà hàng và Bến du thuyền (RESTAURANT - M) tọa lạc tại phía Namn, đường B, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng do Công ty I là chủ đầu tư. Giá trị Hợp đồng tạm tính là 10.190.000.7194đ. Tính đến thời điểm tháng 1.2018, Công ty L đã hoàn thành gần như toàn bộ việc thi công hoàn thiện nội thất cho công trình, phù hợp và tuân thủ theo các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng, ngoại trừ một số Công tác sửa chữa không đáng kể. Theo đó, tổng giá trị các hạng mục thi công cho Công trình là 12.508.212.003đ, bao gồm: Khối lượng thi công trên thực tế cho các công việc trong Hợp đồng là 10.396.221.047đ và khối lượng thi công cho các công việc phát sinh là 2.111.990.956đ. Hồ sơ quyết toán cho các công việc trên được Công ty L gửi cho Công ty I vào tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, cho đến nay, Công ty I mới chỉ thanh toán cho Công ty L số tiền 7.568.455.591đ. Số tiền còn lại bị đơn vẫn chưa thanh toán cho Công ty L là 4.939.756.412đ.

Vào ngày 05.1.2018, Công ty I có gửi Công văn số 01/CV cho các nhà thầu thi công công trình, trong đó có Công ty L về việc tạm ngừng thi công tại Công trình với lý do tài khoản của Công ty I tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP S tại Đà Nẵng đã bị phong tỏa để phục vụ công tác điều tra của Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an theo Thông báo số: 154/2017/TB-CNĐN ngày 28.12.2017. Tại công văn, Công ty I đề nghị các nhà thầu chốt khối lượng thi công để Công ty I tiến hành thanh toán. Sau đó, Công ty L đã nhiều lần đề nghị Công ty I tiến hành kiểm tra và xác nhận nghiệm thu bản vẽ hoàn công nội thất công trình, khối lượng hoàn thành, giá trị quyết toán Hợp đồng để làm cơ sở thanh toán các khoản nợ tồn đọng chưa thanh toán cho Công ty L. Tuy nhiên, Công ty I và Công ty TNHH S (nay là Công ty TNHH M, sau đây gọi là Công ty A) đơn vị tư vấn khối lượng được Công ty I chỉ định, chỉ mới đi nghiệm thu khối lượng hoàn thành tại Công trình nhưng chưa ký duyệt giá trị quyết toán theo yêu cầu của Công ty L.

Vào ngày 23.1.2018, Công ty A có gửi cho Công ty L bảng đánh giá giá trị quyết toán, theo đó giá trị quyết toán là 10.537.035.732đ, giá trị còn lại là 2.968.580.1414. Công ty L không đồng ý với đánh giá trên và đã có phản hồi bằng thư điện tử vào ngày 24.1.2018. Tuy nhiên, Công ty I và Công ty A vẫn không tiến hành giải quyết. Sau đó, vào ngày 30.1.2018, các bên đã có cuộc họp thương lượng

về số tiền thanh toán cuối cùng nhưng vẫn không thống nhất thỏa thuận được, Công ty A có gửi thư điện tử từ chối tham gia việc quyết toán.

Vào tháng 07/2018, Công ty L đã gửi Thư cảnh báo HAN79/CP.05 đến Công ty I yêu cầu thanh toán nhưng không nhận được phản hồi.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L đã hoàn thành công việc đúng thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, Công ty I vẫn chưa tổ chức nghiệm thu và ký biên bản nghiệm thu, ký các biên bản quyết toán công trình....dẫn đến việc Công ty L không thể hoàn thành hồ sơ thanh toán, đó hoàn toàn không phải lỗi do Công ty L. Như vậy, Công ty I đã vi phạm nghĩa vụ tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình... Việc này ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tồn đọng Công ty I buộc phải thanh toán cho Công ty L.

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty L yêu cầu Tòa án buộc Công ty I thanh toán số tiền 5.106.473.1918 bao gồm nợ gốc chưa thanh toán là 4.939.756.412đ và tiền lãi chậm thanh toán là 166.716.779đ (tính từ ngày 14.3.2018 và tạm tính đến ngày 31.7.2018 theo mức lãi suất 9%/năm).

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty L đã thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Kết quả giám định tổng giá trị các hạng mục thi công là 12.351.740.514, Công ty I đã thanh toán cho Công ty L số tiền 7.568.455.591đ (thanh toán vào ngày 08.3.2017, ngày 21.6.2017 và ngày 03.8.2017). Vì vậy, giá trị còn lại Công ty I có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L là $12.351.740.514 - 7.568.455.591 = 4.783.284.923$ đ, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 14.3.2018 đến ngày 22.9.2021 là $4.783.284.923 \times 0,75\% \times 38 \text{ tháng} = 1.516.301.3210$

Bị đơn là Công ty I vắng mặt, chỉ có các đơn xin hoãn phiên tòa, không có văn bản phản hồi nội dung giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 16/2021/KDTM - ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

- Áp dụng các Điều 112, 123, 147, 144 Luật xây dựng.
- Áp dụng các Điều 351, 357, 388, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 227, 228, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L đối với Công ty TNHH I.

Xử: Buộc Công ty TNHH I phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L Số tiền 6.299.586.244 đồng (*Sáu tỷ hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 4.783.284.923 đồng (*Bốn tỷ bảy trăm tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi tư nghìn chín trăm hai mươi ba đồng*) và tiền nợ lãi tính đến ngày 22.9.2021 là 1.516.301.321 đồng (*Một tỷ năm trăm mười sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn ba trăm hai mươi một đồng*).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

* Ngày 05 tháng 10 năm 2021, Công ty I có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì những lý do sau:

- Đến nay, Công ty I chưa nhận được hồ sơ thanh toán theo điểm c khoản 6.2 Điều 6 Thỏa thuận Hợp đồng số: 09/2016/HĐTC/H79.DN. Tòa án có tạm ngừng phiên toà để các bên thương lượng nhưng Công ty L có trả lời qua điện thoại là không cung cấp được. Ngoài hai hồ sơ thanh toán đợt 1, đợt 2 thực hiện đầy đủ, có chữ ký xác nhận của đơn vị giám sát N và đã được Công ty I thanh toán, thì hồ sơ mà Công ty L cung cấp cho Tòa án để xác định tổng khối lượng các hạng mục đã thi công đều không có xác nhận của đơn vị giám sát này. Khi Công ty L chưa nộp hồ sơ thanh toán hoặc hồ sơ thanh toán không đầy đủ, đúng thủ tục thì sẽ không thể phát sinh trách nhiệm phải xem xét, giải quyết công nợ của Công ty I cho Công ty L.

- Công ty I đã thanh toán cho Công ty L 02 đợt với tổng số tiền là 8.456.994.973đ (đã bao gồm VAT), cụ thể: đợt 1 ngày 16/6/2017: 5.621.800.081đ và đợt 2 ngày 20/7/2017 là 2.835.194.892đ; nhiều hơn số tiền mà Công ty L xác định Công ty I đã thanh toán là 7.568.455.591 đồng (đã bao gồm VAT).

- Công ty I không đồng ý với Báo cáo giám định số 119TT/20CV ngày 08/3/2021 của Công ty TNHH Giám định C vì lý do: giám định các hạng mục thi công của Công ty L tại công trình của Công ty I chỉ theo các hợp đồng, kết quả làm việc của các nhà thầu phụ của Công ty L là không phù hợp pháp luật. Theo quy

định pháp luật, cụ thể tại Điều 113 Luật Xây dựng 2014, nhà thầu chính (Công ty L) sẽ chịu trách nhiệm công việc của nhà thầu phụ trước Công ty I, Công ty IVC không có trách nhiệm phải làm việc hay thanh toán bất cứ khoản tiền nào với nhà thầu phụ. Việc giám định giá trị thi công cần phải được thực hiện theo kết quả quyết toán khối lượng của Công ty L với Công ty I Đơn giá phần phát sinh chưa được Công ty I và Công ty L thoả thuận.

- Thứ tư, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án: không triệu tập người giám định đến phiên tòa, tiếp tục xét xử vụ án mặc dù vắng mặt Luật sư của I.V.C vì lý do bất khả kháng.

Công ty TNHH I yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty L.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp Công ty I trình bày: Thống nhất với Công ty L về việc Công ty I đã thanh toán cho Công ty L là 7.568.455.591 đồng (đã bao gồm VAT) và rút ý kiến về việc Tòa án sơ thẩm xét xử vắng mặt Luật sư của I.V.C (vì lý do bất khả kháng) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Các nội dung khác trong đơn kháng cáo, Công ty I vẫn giữ nguyên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Công ty I hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện hợp pháp Công ty L không chấp nhận với kháng cáo của Công ty I, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty I, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội

đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiếp tục tiến hành phiên tòa, xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về yêu cầu triệu tập người giám định của bị đơn: Bị đơn không đưa ra được căn cứ chứng minh Báo cáo giám định số 119TT/20CV ngày 08/3/2021 của Công ty TNHH Giám định C chưa đầy đủ, rõ ràng hoặc có vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 102 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án trung cầu giám định lại. Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người giám định đến phiên tòa là đúng quy định. Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục là không có cơ sở.

Về nội dung vụ án

[3] Công ty L thực hiện gói thầu thi công hoàn thiện nội thất cho công trình Nhà hàng và Bến du thuyền tọa lạc tại phía Nam, đường B, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cho chủ đầu tư công trình xây dựng là Công ty I theo Thỏa thuận Hợp đồng số: 09/2016/HĐTC/H79.DN và Phụ lục Hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 05/01/2018, Công ty I có Công văn số 01/CV đề nghị các nhà thầu tạm ngừng thi công tại Công trình với lý do tài khoản của Công ty I tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP S đã bị phong tỏa để phục vụ công tác điều tra của Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an theo Thông báo số: 154/2017/TB-CNVN ngày 28/12/2017; đề nghị các nhà thầu chốt khối lượng thi công để Công ty I tiến hành thanh toán. Công ty L nhiều lần đề nghị I tiến hành kiểm tra và xác nhận nghiệm thu khối lượng hoàn thành và giá trị quyết toán xây dựng nhưng I không thực hiện. Tại Tòa án, Công ty L yêu cầu Công ty TNHH I phải thanh toán số tiền 6.299.586.244đ, trong đó tiền nợ gốc là 4.783.284.9234 và tiền nợ lãi tính đến ngày 22.9.2021 là 1.516.301.321đ.

Các bên đương sự không tranh chấp chất lượng hạng mục hoàn thiện nội thất do Công ty L thi công mà chỉ tranh chấp về giá trị thanh quyết toán. Công ty I cho rằng Công ty chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán do Công ty I chưa nhận được hồ sơ thanh toán theo điểm c khoản 6.2 Điều 6 Thỏa thuận Hợp đồng số: 09/2016/HĐTC/H79.DN; hồ sơ không có chữ ký giữa đơn vị tư vấn giám sát là Công ty N.

[4] Xét kháng cáo của Công ty I thì thấy:

[4.1] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L đã cung cấp cho Công ty I các hồ sơ thanh toán đợt 1 với giá trị cộng dồn là 5.621.800.081 đồng (BL 474) và hồ sơ thanh toán đợt 2 với giá trị cộng dồn đến đợt 2 là 8.456.994.972 đồng (Bl 441)

có xác nhận của Công ty I. Đến giai đoạn quyết toán, Công ty L đã hoàn thiện hồ sơ quyết toán gồm Chứng chỉ quyết toán, Bảng tổng hợp giá trị quyết toán, Bảng chi tiết giá trị quyết toán lập ngày 23/12/2017 cho đối với phân khối lượng thi công theo hợp đồng (BL 394 – 426) với tổng giá trị là 10.396.221.047đ và phân phát sinh theo phụ lục hợp đồng (BL 362 – 393) với giá trị là 2.111.990.956đ, có chữ ký của đại diện đơn vị tư vấn Công ty A. Sau đó, Công ty L đã có nhiều văn bản yêu cầu Công ty I thực hiện việc nghiệm thu, thanh quyết toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng và Phụ lục nhưng Công ty I không thực hiện; mà chỉ định đơn vị tư vấn giám sát là Công ty N đánh giá giá trị quyết toán và đơn vị này chỉ đồng ý số tiền còn lại chưa thanh toán là 2.968.580.141đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty I trình bày lý do không tiến hành thanh quyết toán là do đơn vị giám sát Công ty N không tổ chức việc nghiệm thu, hồ sơ quyết toán không có chữ ký phê duyệt của Công ty N nên Công ty I không có nghĩa vụ thanh toán.

[4.2] Theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm b, c khoản 2 Điều 122 Luật xây dựng thì Nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình có **quyền** tham gia nghiệm thu. Trường hợp Công ty N không tham gia nghiệm thu hoàn thành thì Công ty I vẫn phải có **nghĩa vụ** tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình theo quy định tại đ khoản 2 Điều 112, khoản 3 Điều 123 Luật Xây dựng. Mặt khác, Công ty N và Công ty I không chỉ ra các hạng mục do Công ty L thi công có sự không phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu của thiết kế công trình hoặc công trình không đạt yêu cầu chất lượng để làm căn cứ không nghiệm thu, từ chối nghiệm thu theo điểm b,c khoản 2 Điều 122 Luật Xây dựng. Hạng mục thi công nội thất đã được Công ty I đưa vào sử dụng do đó Công ty I phải có trách nhiệm tiếp nhận công trình và quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 147 Luật Xây dựng. Mục 10.2, phần điều kiện chung của Thỏa thuận Hợp đồng thi công quy định :“...Việc cấp chứng chỉ nghiệm thu cho Công ty L được thực hiện trong thời hạn 28 ngày sau khi nhận được yêu cầu nghiệm thu của Công ty L và trường hợp công việc thi công Công trình đã hoàn thành theo Hợp đồng nhưng Công ty L không được cấp chứng chỉ nghiệm thu công trình trong thời hạn 28 ngày nêu trên thì chứng chỉ nghiệm thu được coi như đã được cấp cho Công ty L và ngày cuối cùng của thời hạn này....”. Do đó, kháng cáo của Công ty I cho rằng Công ty L chưa hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán, hồ sơ không có chữ ký của đơn vị tư vấn giám sát, Công ty I chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán là không có cơ sở, trái với các quy định pháp luật được viện dẫn trên.

[4.3] Các bên có tranh chấp về giá trị thanh quyết toán. Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu đơn vị có chức năng giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng để giám định chi phí đầu tư xây dựng thực tế hạng mục thi công nội thất lắp đặt hoàn thiện Khu vực nhà hàng tại Công trình Nhà hàng và Bến du thuyền (Restaurant – M) tọa lạc tại phía N, đường B, quận H, thành phố Đà Nẵng là phù hợp. Tại Báo cáo giám định số 119TT/20CV ngày 08/3/2021 của Công ty TNHH Giám định C kết luận: *Tổng giá trị xây dựng của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L đã thực hiện có giá trị xây dựng thực hiện theo Hợp đồng là 10.396.221.047d và giá trị phần phát sinh ngoài hợp đồng là 1.955.519.467d. Tổng cộng : 12.351.740.514 đồng (Mười hai tỷ ba trăm năm mươi một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn năm trăm mười bốn đồng).*

[4.4] Công ty I không đồng ý với Báo cáo giám định nêu trên vì lý do: giám định các hạng mục thi công của Công ty L tại công trình của Công ty I chỉ theo các hợp đồng, kết quả làm việc của các nhà thầu phụ, việc giám định giá trị thi công cần phải được thực hiện theo kết quả quyết toán khối lượng của Công ty L với Công ty I, đơn giá phần phát sinh *chưa được Công ty I và Công ty L thỏa thuận*. Như vậy, Công ty I đưa ra lý do khối lượng, đơn giá, giá trị quyết toán chưa được Công ty I đồng ý, chứ không chỉ ra căn cứ xác định Báo cáo giám định chưa đầy đủ, rõ ràng hoặc có vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 102 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4.5] Xét, Báo cáo giám định đã chỉ ra việc giám định khối lượng thi công là dựa trên: *“Về khối lượng Nhà thầu Công ty L thi công: Như đã đề cập ở phần trên, phần khối lượng thi công của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L được đại diện đơn vị tư vấn giám sát là Công ty Cổ phần Tập đoàn địa ốc N ký xác nhận”*. *“Về đơn giá: - Đối với các hạng mục có nội dung công việc tương tự như ở Hợp đồng thi công giữa Công ty I với Công ty L thì chúng tôi sử dụng đơn giá theo Hợp đồng thi công này trong đó có nhân hệ số chi phí quản lý theo nội dung Bill 6 (theo khoản 3 trang 2/5 của thỏa thuận hợp đồng số: 09/2016/HĐTC/H79-DN ngày 25/01/2017 giữa Công ty TNHH I với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L). - Đối với những hạng mục có nội dung công việc ngoài Hợp đồng thi công giữa Công ty TNHH I với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L, do không có sự thương thảo trước khi thi công nên chúng tôi sẽ tham khảo báo giá vật liệu thi công ở thị trường từ năm 2017 và tiến hành lập dự toán phần giá trị phát sinh. Đơn giá tổng hợp từng hạng mục sẽ được chúng tôi so sánh với đơn giá tổng hợp đề nghị quyết toán của Công ty L để lựa chọn đề xuất phần giá trị phát sinh mà*

Nhà thầu Công ty L đã thực hiện.” Công ty I cho rằng Báo cáo giám định căn cứ hồ sơ nhà thầu phụ, đơn giá không được Công ty I thỏa thuận do đó không có giá trị pháp lý là không đúng.

[4.6] Về giá trị Công ty I đã thanh toán: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp Công ty I xác nhận đã thanh toán tổng cộng là 7.568.455.591đ như trình bày của Công ty L. Như vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty I phải thanh toán cho Công ty L số tiền nợ gốc bằng giá trị khối lượng theo kết quả giám định là: 12.351.740.514 đồng trừ số tiền đã thanh toán là 7.568.455.591 đồng còn lại **4.783.284.923** đồng; chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả tính đến ngày 22.9.2021 là 1.516.301.321đ, mức lãi suất cụ thể 9%/năm là có cơ sở, phù hợp với Điều 14.8 điều kiện riêng Thỏa thuận Hợp đồng, quy định tại điểm d khoản 4 Điều 146 Luật Xây dựng, khoản 2 Điều 43 Nghị định số: 37/2015/NĐ – CP ngày ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và Điều 351, 357 Bộ luật Dân sự.

[5] **Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty I và quan điểm** của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty I.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với phân tích nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí, chi phí giám định:

[7.1] Về án phí:

- Án phí KDTM sơ thẩm Công ty I phải chịu 114.299.586đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty I phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7.2] Về chi phí giám định: Toàn bộ chi phí giám định theo Phiếu thu số 08/12/2020 của Công ty TNHH Giám định C là 166.000.000đ, Công ty L xác nhận tự nguyện chịu. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên phần nghĩa vụ chịu chi phí giám định là chưa phù hợp với quy định tại điểm c

khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục thiếu sót này của cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 102, khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 351 và 357 Bộ luật Dân sự;
- Điểm a khoản 1 và điểm b, c khoản 2 Điều 122, đ khoản 2 Điều 112, khoản 3 Điều 123, điểm d khoản 4 Điều 146, 147 Luật xây dựng;
- Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ – CP ngày ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH I;

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 16/2021/KDTM - ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*” của nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L đối với bị đơn Công ty TNHH I.

Buộc Công ty TNHH I phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L số tiền **6.299.586.244** đồng (*Sáu tỷ hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 4.783.284.923 đồng (*Bốn tỷ bảy trăm tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi tư nghìn chín trăm hai mươi ba đồng*) và tiền nợ lãi tính đến ngày 22.9.2021 là 1.516.301.321 đồng (*Một tỷ năm trăm mười sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn ba trăm hai mươi một đồng*).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

a. Công ty TNHH I phải chịu 114.299.586đ (*Một trăm mười bốn triệu hai trăm chín mươi chín nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng*).

b. Hoàn trả cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L số tiền: 56.553.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 6525 ngày 20/9/2018.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH I phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 363 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, Công ty TNHH I đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

4. Về chi phí giám định 166.000.000 đồng: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L tự nguyện chịu, đã nộp và đã chi.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Hiếu

